

Bài 5

CHÚA GIÊ-SU GIÁNG SINH

Dẫn nhập

Nhờ quyền năng của Thiên Chúa, Đấng Cứu Thế đã nhập thể làm người trong lòng Đức Trinh Nữ Ma-ri-a. Là Thiên Chúa quyền năng, nhưng Ngài đã chấp nhận những quy luật của con người: thụ thai và sinh ra. Khi thời gian đã định, Ngài đã giáng sinh làm người như chúng ta.

1. Bài Tin Mừng (Lc 2, 1-20)

Thời ấy, hoàng đế Au-gút-tô ra chiếu chỉ, truyền kiểm tra dân số trong khắp cả thiên hạ. Đây là cuộc kiểm tra đầu tiên, được thực hiện thời ông Qui-ri-ni-ô làm tổng trấn xứ Xy-ri. Ai nấy đều phải về nguyên quán mà khai tên tuổi. Bởi thế, ông Giu-se từ thành Na-da-rét, miền Ga-li-lê lên thành vua Đa-vít tức là Bê-lem, miền Giu-đê, vì ông thuộc gia đình dòng tộc vua Đa-vít. Ông lên đó khai tên cùng với người đã thành hôn với ông là bà Ma-ri-a, lúc ấy đang có thai. Khi hai người đang ở đó, thì bà Ma-ri-a đã tới ngày mãn nguyệt khai hoa. Bà sinh con trai đầu lòng, lấy tã bọc con, rồi đặt nằm trong máng cỏ, vì hai ông bà không tìm được chỗ trong nhà trọ.

Trong vùng ấy, có những người chăn chiên sống ngoài đồng và thức đêm canh giữ đàn vật. Bỗng sứ thần Chúa đứng bên họ, và vinh quang của Chúa chiếu toả

chung quanh, khiến họ kinh khiếp hãi hùng. Nhưng sứ thần báo họ: “Anh em đừng sợ. Nay tôi báo cho anh em một tin mừng trọng đại, cũng là tin mừng cho toàn dân: Hôm nay, một Đấng Cứu Độ đã sinh ra cho anh em trong thành vua Đa-vít, Người là Đấng Ki-tô Đức Chúa. Anh em cứ dấu này mà nhận ra Người: anh em sẽ gặp thấy một trẻ sơ sinh bọc tã, nằm trong máng cỏ.” Bỗng có muôn vàn thiên binh hợp với sứ thần cất tiếng ngợi khen Thiên Chúa rằng:

*“Vinh danh Thiên Chúa trên trời,
bình an dưới thế cho loài người Chúa thương.”*

Khi các thiên sứ từ biệt mấy người chăn chiên để về trời, những người này báo nhau: “Nào chúng ta sang Bê-lem, để xem sự việc đã xảy ra, như Chúa đã tỏ cho ta biết.” Họ liền hối hả ra đi. Đến nơi, họ gặp bà Ma-ri-a, ông Giu-se, cùng với Hai Nhi đặt nằm trong máng cỏ. Thấy thế, họ liền kể lại điều đã được nói với họ về Hai Nhi này. Nghe các người chăn chiên thuật chuyện, ai cũng ngạc nhiên. Còn bà Ma-ri-a thì hằng ghi nhớ mọi kỷ niệm ấy, và suy đi nghĩ lại trong lòng. Rồi các người chăn chiên ra về, vừa đi vừa tôn vinh ca tụng Thiên Chúa, vì mọi điều họ đã được mắt thấy tai nghe, đúng như đã được nói với họ.

2. Bối cảnh bài Tin Mừng

a. Vị trí địa lý

Đất nước Do Thái chia làm ba miền: Bắc, Trung, Nam. Giê-ru-sa-lem là thủ đô, thuộc miền Nam. Bê-lem

là quê hương của vua Đa-vít, cách thủ đô Giê-ru-sa-lem 12 cây số về hướng nam, cũng là nguyên quán của thánh Giuse.

Nếu muốn đi từ miền Bắc xuống miền Nam và ngược lại thì phải đi đường vòng để tránh đi qua miền Trung Sa-ma-ri. Con đường vòng này phải đi qua hai lần đò, dọc theo sông Gio-đan khoảng 140 km.

b. Lịch sử xã hội

Au-gút-tô là hoàng đế vào thời cực thịnh của đế quốc La-mã (diện tích toàn đế quốc gần 7 triệu km²; dân số khoảng 60 triệu). Ông ra lệnh kiểm tra dân số để thấy sức mạnh của đế quốc mà ông đang lãnh đạo, đồng thời cũng dễ bề quản lý và cai trị. Nước Do Thái thuộc vùng Sy-ri-a dưới quyền viên tổng trấn Qui-ri-ni-ô (tựa như viên Toàn quyền Đông dương thời Pháp thuộc).

c. Thánh Giu-se

Thánh Giu-se thuộc dòng dõi vua Đa-vít. Quê gốc của ngài ở Be-lem miền Nam, nhưng hộ khẩu thường trú ở Na-da-rét miền Bắc. Khi có lệnh kiểm tra dân số, mọi người phải về quê gốc của mình để khai nhân khẩu. Vậy, thánh Giuse phải đi một đoạn đường khoảng 140 km từ Na-da-rét về Be-lem. Phương tiện đi lại thời đó: giới thượng lưu đi bằng lạc đà, giới trung lưu đi bằng ngựa, người bình dân đi bằng lừa. Thánh Giu-se thuộc giới bình dân.

d. Đức Mẹ sinh con trong chuồng bò lừa

Đức Mẹ phải sinh con trong chuồng bò lừa vì không thuận tiện sinh đẻ nơi nhà trọ. Lý do khi sinh con thì có máu chảy, mà theo luật Do Thái thì máu là ô uế.

3. Kể chuyện

Đức Maria đang sống bình yên ở vùng quê Na-da-rét, mong chờ ngày hạ sinh Đấng Cứu Thế; trong khi cả hai bên họ hàng cũng ngóng chờ ngày sinh của cháu nội, cháu ngoại... thì đùng một cái, hoàng đế Au-gút-tô ra chiếu chỉ kiểm tra dân số.



Đức Ma-ri-a và Thánh Giu-se về nguyên quán kê khai dân số.

Theo pháp lệnh, ai nấy phải về nguyên quán để làm thủ tục kê khai. Gia phả thánh Giu-se ở Be-lem, nên phải trở về đó. Từ Na-da-rét về Be-lem đi bộ mất khoảng 4 ngày, ở lại làm thủ tục mất khoảng vài ngày, trở về mất 4 ngày, nên dự định khoảng 2 tuần là xong. Dù quê hương thánh Giu-se ở Be-lem, nhưng không còn bà con thân thuộc gần gũi ở đó nữa, nên chuyến trở về làm thủ tục kê khai này gặp nhiều khó khăn.

Phương tiện di chuyển của Thánh Gia chỉ là con lừa. Lộ phí thì chắc là hai bên nội ngoại cho một ít, cộng với một chút gia đình Thánh Gia tích góp được, chỉ đủ chi tiêu dè xẻn dọc đường. Đức Ma-ri-a thì bụng mang dạ chửa, chuẩn bị đến ngày sinh. Đến Be-lem, họ đã dựng lều (theo thói quen hành hương của người Do Thái), buổi sáng lên trạm xin làm giấy kiểm tra dân số. Nhưng do người khắp nơi đổ về, nên việc làm sổ kê khai phải chờ đợi lâu hơn dự kiến.

Ai cũng nghĩ rằng chuyến đi này chỉ kéo dài chừng mười ngày là cùng. Như vậy thì vẫn kịp về sinh con ở quê nhà. Ai ngờ sự việc lại không diễn ra như mong muốn. Trong hoàn cảnh đó, Đức Ma-ri-a tới ngày sinh. Lúng túng quá chừng! Nhà dân thì không ai dám cho đàn bà đẻ trong nhà mình. Đó là văn hóa, đó là luật, luật thanh uest.

Để Đức Mẹ sinh con trong lều trại, thì không ổn, vì gió lạnh và sương tuyết. Vào nhà dân, họ nhìn thánh Giuse hiền lành, thì ai cũng thương, nhưng lại rất ái ngại khi nhìn người phụ nữ sắp sinh con (vì luật dơ uest, chứ không phải sợ hên xui như ở Việt Nam). Thánh Giu-se đành phải đưa Đức Mẹ vào trú ngụ trong một chuồng bò lừa. Hôi lắm, bẩn lắm, nhưng kín gió và ấm áp. Đành vậy thôi. Lương tâm thánh Giu-se cắn rứt vô cùng! Là người chồng phải lo cho vợ, mà lúc này lo không được. Đáng Cứu Thế mà phải chịu số phận như thế sao?

Còn Đức Mẹ thì ngồi suy nghĩ về biến cố vừa xảy

ra, lúc đó Mẹ cỡ 16-17 tuổi, tuổi “teen” ‘ăn chưa no, lo chưa tới’. Thánh Giu-se bồn chồn lo lắng, đi đi lại lại không biết làm gì. Khi sinh nở, người ta có mẹ chồng, mẹ ruột, chị em cô dì lo cho mọi chuyện. Ở đây, Đức Mẹ khi sinh chẳng có ai, chỉ có thánh Giu-se bên cạnh, không đỡ đàn được gì. Lúc này, Mẹ nhớ lại lời sứ thần: con cô sẽ ngồi trên ngai báu vua Đa-vít, cai trị đến muôn đời. Tưởng rằng con mình sẽ được sinh ra trong cung điện, lầu son gác tía, ai ngờ... Tủi ơi là tủi! Nếu như người khác, chắc chắn Đức Mẹ sẽ than:

“Thiếu gì lầu gác đèn cung

Mà con chọn lấy hang cùng Be-lem.

Thiếu gì chăn đệm tốt lành

Mà con chọn lấy một manh khăn này.

Thế gian mọi sự trong tay

Mà sao thiếu thốn dường này hỡi con...”

Nhưng Đức Maria không kêu ca trách móc, mà suy gẫm điều đó trong lòng. Mẹ quả là người tuyệt vời, luôn biết xin vâng trong mọi hoàn cảnh, thật như lời bà Ê-li-sa-bét đã ca khen: “Em là người có phúc, vì đã tin mọi lời Chúa đã nói với em”.

Dù trong cảnh thiếu thốn cùng cực, nhưng Thánh gia vẫn có hai niềm an ủi lớn:

1- Trên trời vang vọng tiếng hát của Thiên Thần:

*“Vinh danh Thiên Chúa trên trời,
Bình an dưới thế cho loài người Chúa thương”.*



*Không trung vang tiếng hát thiên thần
Dưới thế, Chúa thương ban bình an.*

Thế là Đức Mẹ và thánh Giu-se cảm nghiệm ngay rằng: mình là người được Chúa thương. Vậy là hết khổ. Sướng ơi là sướng!

2- Lại có các mục đồng kéo nhau đến thăm, chuyện trò tíu tít. Họ là những người chăn chiên, ban

tôi họ thức canh gác đàn chiên. Thời tiết lạnh, họ phải đốt lửa sưởi ấm cho chúng. Mỗi con chiên một năm thu được khoảng 2,4 kg lông, về lọc được khoảng 2 kg len tinh. Ngoài ra còn thu được thịt, da, sữa... Do đó, người chăn chiên và con chiên gắn bó với nhau. Nếu chiên chết, người chủ sẽ ‘tán gia bại sản’, nên họ phải chăm chút đàn chiên và không xa rời đàn chiên của họ.

Họ đang mơ màng về đàn chiên của họ, thì Thiên Thần hiện ra báo tin: “Này tôi báo cho anh em một tin mừng trọng đại, cũng là tin mừng cho toàn dân: Hôm nay, một Đấng Cứu Độ đã sinh ra cho anh em trong thành vua Đa-vít, Người là Đấng Ki-tô Đức Chúa. Anh em cứ dấu này mà nhận ra Người: “Anh em sẽ gặp thấy một trẻ sơ sinh bọc tã, nằm trong máng cỏ” (Lc 2,10-12).

Những mục đồng hò nhau, rồi cùng ra đi. Biết đi đâu? Vì lời báo tin như vậy quá vu vơ, quá chung chung. Biết đâu mà tìm? Nhưng đối với những mục đồng, họ biết rõ hoàn cảnh, biết những hang đá chiên và người có thể trú ngụ, những nơi có máng cỏ..., họ dễ dàng tìm ra. Họ lên đường cùng với tiếng hát của Thiên Thần.

Đến nơi, gặp thấy Đức Mẹ, thánh Giu-se và Hai nhi đang nằm trong máng cỏ, họ đưa nhau kể lại việc được sứ thần báo tin, đưa nhau hỏi thăm Đức Mẹ và thánh Giu-se. Vui ơi là vui! Ấy là chưa kể đến việc bà con trong làng được các mục đồng về báo tin, ùn ùn

kéo nhau đến xem Đấng Cứu Tinh.



Các mục đồng tìm được Chúa.

4. Bài học từ biến cố Giáng Sinh

Con Thiên Chúa Giáng sinh làm người để tỏ cho con người biết về Thiên Chúa.

Là Thiên Chúa, nhưng Ngài cũng đón nhận hoàn cảnh sống tự nhiên của con người, phải sinh ra trong lúc khó khăn, chu toàn lề luật Do Thái...

Về mặt tự nhiên và lịch sử, mỗi người chúng ta dù có niềm tin hay không, đều liên quan đến năm sinh của Chúa Giê-su, bởi năm sinh của Chúa Giê-su được dùng làm mốc để tính niên lịch (Công lịch).

Cầu nguyện

Lạy Chúa, Chúa Sinh ra trong cảnh nghèo khó, để đồng cảm và chia sẻ với thân phận con người, đặc biệt là những người nghèo khổ, cùng cực. Từ đó, Chúa muốn dạy chúng con yêu thương người nghèo là yêu Chúa, ghét bỏ người nghèo là ghét Chúa. Xin cho chúng con biết yêu thương, giúp đỡ và kính trọng người nghèo. A-men.

VÀI SUY NGHĨ BÊN LỀ VỀ BIẾN CỐ CHÚA GIÊ-SU GIÁNG SINH

Về biến cố Chúa Giáng Sinh, thánh sử Lu-ca chỉ cho ta biết ba điều:

- 1- Chúa Giáng Sinh tại Bê-lem (Lc 2,1-20)
- 2- Vào ngày thứ 8, Chúa được cắt bì và đặt tên là Giê-su (Lc 2, 21)

3- Chúa được dâng tiến trong đền thờ Giê-ru-sa-lem ngày thứ 40 (Lc 2, 22-38)

Thánh Lu-ca không hề cho biết thêm trong thời gian 40 ngày ấy Thánh gia ở đâu và sinh hoạt ra sao. Dựa trên văn hóa và tâm lý xã hội của người Do Thái, ta có thể phỏng đoán như sau:

- Khi các mục đồng trở về, họ kể cho bà con biết những gì họ đã nghe sứ thần loan báo và những gì họ thấy ở Bê-lem. Rõ ràng là Đấng Cứu Thế đã ra đời. Một thông tin tuyệt vời, một niềm vui bùng vỡ. Đấng Cứu Thế ra đời có nghĩa là lịch sử Do Thái bước vào thời đại cực thịnh. Đó là điều mà người Do Thái trông chờ từ hàng ngàn năm trước.

- Nhìn thấy Đấng Cứu Thế, ai mà không thương, ai mà không tôn kính, ai mà không muốn rước Ngài về nhà mình! Ai mà rước Ngài về nhà mình, thì là một đại phúc. Ai cũng muốn rước Chúa Hài Nhi về nhà mình, cuối cùng thì ai được hưởng vinh dự ấy? Chắc chắn là người có uy tín nhất. Theo quan niệm của người Do Thái, người có uy tín nhất phải hội đủ 3 điều kiện:

1- Người cao niên nhất.

2- Người có đông con nhiều cháu nhất.

3- Người khá giả nhất.

Đó là văn hóa. Đó là truyền thống. Người được Chúa thương thì phải là người có bấy con cháu xúm

xít xung quanh bàn ăn như chùm ô-liu, phải sống lâu và giàu có như tổ phụ Gia-cóp. Áp-ra-ham tuy ít con, nhưng hậu duệ của ông được Chúa hứa là đông như sao trên trời, như cát dưới biển.

- Bà Ê-li-sa-bét, chị của Đức Ma-ri-a, ở cách Bê-lem khoảng 19 cây số (từ Bê-lem ngược về thủ đô là 12 cây số; từ thủ đô đi về hướng tây 7 cây số là Ain-ka-rim, quê hương của bà Ê-li-sa-bét). Bà được Đức Ma-ri-a cho biết ngày thụ thai Đấng Cứu Thế. Bà đếm ngày tháng trên đầu ngón tay để phỏng đoán ngày Đấng Cứu Thế ra đời. Nôn nóng vô cùng!

Chắc chắn chỉ nội ngày hôm sau, thánh Giu-se phải lên đường đi Ain-ka-rim để báo một tin mừng vĩ đại cho bà Ê-li-sa-bét mà thánh Giuse gọi bằng chị. Mừng ơi là mừng! Chị em nói chuyện tíu tít với nhau về câu chuyện xảy ra ở Bê-lem.

Một điều chắc chắn nữa là nội trong ngày hôm ấy, ông Da-ca-ri-a phải vội vàng đi Bê-lem để thăm cháu và rước cháu về nhà mình. Ông Da-ca-ri-a thì muốn rước cháu về nhà mình ngay. Không ai dám cản ông, vì uy tín của ông đã vang dội khắp nước:

+ Ông là tư tế, đã bị cầm trong lúc dâng hương trong đền thờ.

+ Vợ ông vô sinh và già nua, thế mà đã mang thai và sinh con trai.

+ Ông hết tâm khi đặt tên cho con là Gio-an.

+ Dư luận bàn tán về bé Gio-an là người dọn đường cho Đấng Cứu Thế.

Khi ông Da-ca-ri-a đến đón cháu, người đã đón Đấng Cứu Thế về nhà mình không dám cãi ý ông, nhưng vẫn năn nỉ để níu kéo Đấng Cứu Thế lưu lại nhà mình lâu hơn. Lý do để biện minh có sức thuyết phục nhất là: hai mẹ con còn yếu lắm. Phải đủ bảy ngày mới nên ra đi.

- Coi như ngày thứ 7, ông Da-ca-ri-a mới đưa Thánh gia về nhà mình. Hôm sau là ngày thứ tám, ngày Chúa chịu phép cắt bì và được đặt tên. Đó là luật. Người chủ sự lễ cắt bì chắc chắn là ông Da-ca-ri-a, vì ông vừa cao niên, vừa là thầy tư tế. Người đặt tên cho Chúa phải là Thánh Giu-se. Đó là luật. Dĩ nhiên Thánh gia cứ lưu lại tại nhà ông Da-ca-ri-a cho tới ngày thứ 40. Ngày đó Đức Mẹ và thánh Giu-se phải đưa con lên đền thờ để dâng cho Chúa theo lệ luật. Chắc chắn ông Da-ca-ri-a sẽ lo mọi chuyện từ nghi thức đến di chuyển và chi phí.

Cầu nguyện

Lạy Chúa, nghĩ về việc Chúa sinh tại Bê-lem và sinh hoạt của Thánh gia trong 40 ngày đầu đời, chúng con cảm thấy ám lòng quá, thương Chúa quá. Xin Chúa chúc lành cho chúng con. A-men.



Đức Mẹ và Thánh Giu-se dâng con trong đền thờ.